

**UBND TỈNH KONTUM
SỞ LAO ĐỘNG - TB&XH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 769/SLĐTBXH-BVCSTE&BDG
V/v Phối hợp tham gia góp ý dự thảo
báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện
Nghị quyết số 11-NQ/TW
ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị

Kon Tum, ngày 23 tháng 5 năm 2017

Kính gửi:

- UBND các huyện, thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan.

Sở Lao động-Thương binh và Xã hội nhận được văn bản số 646/PC-KGVX ngày 17/5/2017 của Văn phòng UBND tỉnh về việc giao Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, tham mưu Ban cán sự UBND tỉnh báo cáo theo yêu cầu của Ban Dân vận Tỉnh ủy về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị UBND các huyện, thành phố; các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tham gia ý kiến góp ý vào dự thảo báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của đơn vị, địa phương mình.

Văn bản tham gia góp ý đề nghị gửi về Sở Lao động-TB&XH (qua Phòng BVCSTE&BDG) trước ngày 30/5/2017 để Sở Lao động-TB&XH tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi về Ban cán sự UBND tỉnh trong ngày 31/5/2017. (Chuyển file mềm trước qua Email: phamhuuchuongsl@gmail.com). **Các đơn vị truy cập đường link sau để tải dự thảo báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị: sldtbxh.kontum.gov.vn/Huong_dan_nghiep_vu/Binh_dang_gioi-VSTBPN.**

Để đảm bảo về nội dung, chất lượng và kịp tiến độ tổng hợp, tham mưu Ban cán sự UBND tỉnh đúng thời hạn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị các đơn vị khẩn trương quan tâm phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận: *lhc*

- Như trên;
- GD Sở; PGD Sở;
- VP Sở; P.BVCSTE&BDG;
- Lưu: VT, C30.



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Ánh

*
Số: -BC/BCS
(Dự thảo 1)

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình số 35-CTr/TU ngày 27-8-2007 của Tỉnh ủy về triển khai, thực hiện Nghị quyết số 11- NQ/TW của Bộ Chính trị về “Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”

-----*-----

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Đặc điểm tình hình

- Trong 10 năm qua, Tỉnh ủy, HƢND, UBND tỉnh thường xuyên quan tâm, chỉ đạo thực hiện “Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” theo Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị, xem đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của tỉnh; qua đó, đã tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, khẳng định những chủ trương, giải pháp đúng đắn, phù hợp của Đảng và Nhà nước đối với công tác phụ nữ.

- Các cấp đều thành lập và củng cố kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ, các thành viên của Ban đã qua tập huấn kiến thức về giới, lồng ghép giới, Luật Bình đẳng giới và ngày càng được nâng cao về kỹ năng nghiệp vụ, do đó, công tác tham mưu cho các Ban hoạt động ngày càng hiệu quả.

- Công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới thời gian qua luôn nhận được sự quan tâm của các cấp ủy và chính quyền; đã có nhiều hoạt động thiết thực trong việc thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ trên các lĩnh vực thể hiện qua việc ban hành các chỉ thị, Nghị quyết, kế hoạch hành động; việc bố trí nguồn lực, lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu vào chương trình công tác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương được thực hiện cơ bản.

- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt bổ nhiệm cán bộ nữ đã được quan tâm hơn so với trước, cấp ủy, chính quyền các cấp tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt cho phụ nữ tham gia công tác ở các cơ quan Đảng, Đoàn thể và Chính quyền. Lãnh đạo nữ trong hệ thống cấp ủy và chính quyền các cấp ngày càng tăng.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW

Nhận thức được công tác phụ nữ và bình đẳng giới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vừa là mục tiêu, vừa là tiền đề, động lực để phụ nữ phát triển, trong những năm qua, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh và các ngành chức năng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ. Tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo công tác phụ nữ, cụ thể:

- Chương trình số 35-CTr/TU ngày 27-8-2007 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 11- NQ/TW về “*Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”.

- Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 13/9/2010 của UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện Luật Bình đẳng giới.

- Kế hoạch số 1535/KH-UBND ngày 09/9/2011 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01/12/2009 của Chính phủ.

- Công văn số 719/CV/TU, ngày 09/6/2015 của Tỉnh ủy và Công văn số 1486/UBND-VX, ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh về việc triển khai thực Thông báo số 196 - TB/TW, ngày 16/3/2015 của Ban Bí thư về Đề án “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ trong tình hình mới”.

- Kế hoạch số 92/KH-BVSTBPN, ngày 22/7/2015 của Ban VSTBPN tỉnh về việc triển khai Quyết định số 16/QĐ-UBQG, ngày 24/3/2015 của Ủy ban quốc gia VSTBPN Việt Nam về việc triển khai thực hiện Kế hoạch truyền thông về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị hướng tới Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015-2020, bầu cử đại biểu Quốc hội Khoá XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.

- Kế hoạch số 1533/KH-UBND, ngày 09/9/2011 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Kế hoạch số 738/KH-UBND ngày 13/4/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 09/02/2017 về triển khai thực hiện Đề án “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Hàng năm, chỉ đạo Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và các sở, ban, ngành có kế hoạch hoặc lồng ghép nội dung kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác bình đẳng giới, Nghị quyết số 11-NQ/TW và Luật Bình đẳng giới trên địa bàn huyện, thành phố; đồng thời, hướng dẫn các địa phương kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện trên địa bàn xã,

phường, thị trấn.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, các ngành, đoàn thể đối với công tác phụ nữ và bình đẳng giới.

Xác định công tác phụ nữ là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị nên cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở đã cụ thể hoá và quán triệt, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước về công tác phụ nữ. Đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác cán bộ nữ, xác định là một nội dung quan trọng trong công tác cán bộ cả trước mắt và lâu dài.

- Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước, cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, đảng viên đã nhận thức sâu sắc về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết, từ đó đã tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ về tư tưởng và hành động trong cả hệ thống chính trị, trong xã hội, gia đình và bản thân phụ nữ về công tác phụ nữ trong thời kỳ mới. Vị trí, vai trò, tầm quan trọng của lực lượng lao động nữ nói chung, cán bộ nữ nói riêng đối với sự phát triển của xã hội từng bước được khẳng định.

- Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị-xã hội, xây dựng chương trình phối hợp với Hội phụ nữ tổ chức tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Luật Bình đẳng giới, Luật phòng chống Bạo lực gia đình. Phối hợp thành lập các mô hình làm kinh tế giỏi, nuôi con khỏe dạy con ngoan, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao tạo điều kiện cho phụ nữ được tham gia các hoạt động văn hóa tinh thần.

- Hội Phụ nữ từ tỉnh đến cơ sở đã nhận thức rõ hơn những mặt mạnh, những ưu điểm, đồng thời chỉ rõ khuyết điểm và nguyên nhân của những khuyết điểm trong công tác phụ nữ nói chung, công tác cán bộ nữ nói riêng để chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền về công tác cán bộ nữ và thực hiện bình đẳng giới. Phát huy tốt vai trò nòng cốt chủ động phát động các phong trào thi đua yêu nước trong phụ nữ. Phối hợp với các ngành, cơ quan chức năng, Ban VSTBCPN tổ chức tuyên truyền sâu rộng nội dung Luật bình đẳng giới; phối hợp tổ chức nhiều hoạt động thực hiện bình đẳng giới tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển.

- Thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật đã tạo sự chuyển biến về nhận thức của phụ nữ về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; về kiến thức xã hội, từng bước đảm bảo cho phụ nữ có địa vị ngang bằng với nam giới, góp phần bình đẳng giới và tiến bộ xã hội.

2. Thực hiện chính sách, luật pháp liên quan đến phụ nữ, tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ.

- Trong thời gian qua, các cấp, các ngành phối hợp cùng các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến vào các chương trình, mục tiêu

xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội, quốc phòng-an ninh, nhất là các vấn đề liên quan đến phụ nữ. Các chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm, hỗ trợ vốn, hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, phòng chống bạo lực gia đình, phát triển sự nghiệp y tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, tích cực phòng chống tệ nạn xã hội, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Ủy ban nhân dân từ tỉnh đến các huyện, thành phố đã cụ thể hoá nội dung của Nghị quyết bằng các kế hoạch, đề án cụ thể phù hợp với công tác phụ nữ. Cơ cấu cán bộ Hội tham gia các Hội đồng, các Ban chỉ đạo, các Ban đại diện, Hội thẩm nhân dân để phụ nữ phát huy trí tuệ, khả năng, cống hiến và khẳng định được vị trí của mình trong xã hội.

- Năm 2009, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh được kiện toàn. Cấp huyện có 21 thành viên do đồng chí Phó chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban, cấp huyện, thành phố do đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện, thành phố làm trưởng ban. Hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ được duy trì thường xuyên, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt các quy định, cơ chế, chính sách, chương trình, đề án của Nhà nước và địa phương về phụ nữ và công tác phụ nữ, các kế hoạch, đề án của tỉnh như: Kế hoạch số 1533/KH-UBND, ngày 09/9/2011 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 738/KH-UBND ngày 13/4/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 09/02/2017 về triển khai thực hiện Đề án “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh và Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các huyện, thành phố tham mưu ban hành Chương trình công tác năm. Hướng dẫn các đơn vị lồng ghép tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chiến lược, Chương trình quốc gia về Bình đẳng, Chương trình 35-CTr/TU của Tỉnh ủy để thực hiện¹.

- Việc quan tâm bố trí, sử dụng cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý các cấp, các cơ quan, đơn vị được xác định là một yêu cầu quan trọng giúp cho việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, là điều kiện để phát huy vai trò, trí tuệ và nâng cao địa vị xã hội của phụ nữ. Chú trọng việc đào tạo gắn với sử dụng cán bộ nữ, quan tâm phát triển đảng viên là nữ. Quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ nữ đảm nhận các vị trí lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội.

¹ Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 13/9/2010 của UBND tỉnh, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng chống Bạo lực gia đình Công văn số 719/CV/TU, ngày 09/6/2015 của Tỉnh ủy và Công văn số 1486/UBND - VX, ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh về việc triển khai thực Thông báo số 196 - TB/TW, ngày 16/3/2015 của Ban Bí thư về Đề án “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ trong tình hình mới”; Kế hoạch số 92/KH - BVSTBPN, ngày 22/7/2015 của Ban VSTBPN tỉnh về việc triển khai Quyết định số 16/QĐ - UBQG, ngày 24/3/2015 của Ủy ban quốc gia VSTBPN Việt Nam về việc triển khai thực hiện Kế hoạch truyền thông về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị hướng tới Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020, bầu cử đại biểu Quốc hội Khoá XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.

3. Công tác tổ chức triển khai các phong trào hành động trong phụ nữ (các đơn vị bổ sung số liệu về các phong trào hành động trong phụ nữ của đơn vị như: hội thi, hội nghị...liên quan đến bình đẳng giới, tiến bộ phụ nữ, số cuộc, lượt người tham dự...)

Các cấp uỷ Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các ngành phối hợp với Hội LHPN các cấp tổ chức thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết chuyên đề và các Kết luận của Tỉnh uỷ trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội. Tổ chức các hội nghị tuyên truyền học tập Luật bình đẳng giới, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, kiến thức về chăm sóc sức khoẻ, kế hoạch hóa gia đình, kiến thức giới, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường, chuyên giao khoa học kỹ thuật... cho cán bộ, hội viên phụ nữ, tổ chức hội nghị truyền thông kiến thức xã hội cho cán bộ, hội viên phụ nữ. Tạo điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận kiến thức về các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học kỹ thuật và phúc lợi xã hội, giúp phụ nữ có kỹ năng sống.

Mặt trận Tổ quốc, các ngành, đoàn thể xây dựng kế hoạch phối hợp với Hội phụ nữ tổ chức nhiều hoạt động thiết thực; tuyên truyền vận động gia đình hội viên phụ nữ thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", cuộc vận động xây dựng "Gia đình 5 không, 3 sạch"; xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa; tham gia ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà mái ấm tình thương cho các hộ phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, phụ nữ nghèo.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trong đó có phụ nữ được quan tâm thường xuyên. Tổ chức thực hiện có hiệu quả về phát triển sự nghiệp y tế nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; Nâng cao tỷ lệ phụ nữ được tiếp cận với các dịch vụ y tế, phụ nữ sử dụng các biện pháp tránh thai đạt hiệu quả. Các chính sách an sinh xã hội đối với các gia đình chính sách, người có công, phụ nữ khó khăn, tàn tật, cô đơn được thực hiện đầy đủ góp phần ổn định tư tưởng, đời sống của phụ nữ.

Hàng năm, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ từ cấp tỉnh đến cơ sở tổ chức kỷ niệm ngày quốc tế phụ nữ 08/3 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 nhằm phát huy truyền thống phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt nam khơi dậy niềm tự hào dân tộc, niềm tin của chị em vào sự Lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, chị em tích cực học tập, vận động chị em tích cực tham gia và đăng ký và thực hiện các phong trào thi đua "Giỏi việc nước, đảm việc nhà", nâng cao trình độ về mọi mặt, thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình "No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc"; góp phần nâng cao vị thế nữ CCVC, LĐ trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; giúp cho nữ công chức, viên chức, người lao động ôn lại truyền thống của Phong trào phụ nữ Việt Nam, nhằm động viên chị em phát huy truyền thống yêu nước, tự hào dân tộc, tích cực tham gia có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn.

Các mục tiêu về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ đã được UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở tổ chức thực hiện lồng ghép trong nhiều hoạt động chung của đơn vị, nhất là trong các lĩnh vực chính

trị, kinh tế, lao động, việc làm, Giáo dục-Đào tạo, Y tế, Văn hóa và thông tin, gia đình, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới việc làm, thực hiện các chế độ chính sách... Đến năm 2016 đạt được các kết quả như sau:

- **Trong lĩnh vực chính trị:** Duy trì và giữ vững tỷ lệ nữ gia các cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2016-2020 là 23,17%; tỷ lệ nữ đại biểu Quốc Hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 là 32%²; UBND các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ (từ cấp phó Chủ tịch trở lên) là 42,47%³; tỷ lệ các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo từ cấp phó trở lên là nữ, nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, CCVC, người lao động là 73%⁴.

- **Trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số với các nguồn lực kinh tế, thị trường:** tổng số lao động được tạo việc làm mới là 1.501 thông qua chương trình việc làm, trong đó tỷ lệ nữ chiếm khoảng 44,5%; số doanh nghiệp có phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý năm 2016 là 68/220 tổng số doanh nghiệp chiếm 30,91%; tổng số lao động nữ nông thôn được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật là 1.974, trong đó lao động nữ chiếm khoảng 42%; tỷ lệ phụ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 90%.

- **Trong lĩnh vực Giáo dục-Đào tạo:** tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn đạt 94,5%; các cơ quan, đơn vị đã cử đi đào tạo sau đại học 15/58 CBCCVC là nữ, chiếm 26%.

- **Trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe-lĩnh vực Y tế:** tỷ số giới khi sinh giữa trẻ sơ sinh trai và trẻ sơ sinh gái là 108/102; giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản so với trẻ đẻ sống là 36/100.000; tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản (ít nhất 3 lần/thai kỳ) là 84,1%; giảm tỷ lệ phá thai so với trẻ đẻ sống là 86 phần nghìn.

- **Trong lĩnh vực Văn hóa và Thông tin:** tỷ lệ sản phẩm văn hóa, thông tin mang định kiến giới giảm⁵; có 100% tỷ lệ đài phát thanh và đài truyền hình cấp tỉnh và cấp huyện có chuyên mục, chuyên đề, tin, bài tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

- **Trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới:** rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với của

² Đại biểu Quốc Hội: Đại biểu Quốc hội: 01/06 ĐBQH là nữ chiếm 16,67%; Đại biểu HĐND: 944/2.966 Đại biểu HĐND các cấp là nữ, chiếm 32% (trong đó: HĐND tỉnh có 50 đại biểu, nữ: 19 người chiếm 38%; HĐND cấp huyện có 315 đại biểu, nữ: 101 người chiếm 32,1%; HĐND cấp xã có tổng cộng 2.601 đại biểu, nữ: 824 người chiếm 31,7%)

³ 48/113 UBND các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ; cụ thể: 01/01 UBND cấp tỉnh; 04/10 UBND cấp huyện và 43/102 UBND cấp xã.

⁴ Năm 2016, có 53/73 cơ quan Nhà nước các cấp có lãnh đạo từ cấp phó trở lên là nữ, chiếm 73% tổng số cơ quan có 30% nữ trở lên, gồm: cấp tỉnh 6/11 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; cấp huyện có 04/05 UBND cấp huyện; cấp xã: 43/57 UBND cấp xã.

⁵ 95% so với số văn hóa phẩm, ấn phẩm đang lưu hành được kiểm tra tại thị trường.

nam⁶; tỷ lệ nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình đạt 95%; tỷ lệ người gây ra bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình đạt 85%; chưa phát hiện nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân (là phụ nữ) bị buôn bán tự trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ, tái hòa nhập cộng đồng.

- **Trong quản lý nhà nước về Bình đẳng giới:** Tỷ lệ văn bản quy phạm pháp luật dự thảo được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, đạt 100%; tỷ lệ thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới được thực hiện lồng ghép trong tập huấn nghiệp vụ công tác bình đẳng giới, nhưng tỷ lệ đại biểu tham dự chưa đầy đủ; thực hiện chủ trương tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVN, Trung ương đã yêu cầu các đơn vị, địa phương giữ ổn định biên chế công chức, viên chức đã được giao; trường hợp phải thành lập tổ chức mới hoặc được giao nhiệm vụ mới thì các cơ quan, đơn vị phải tự cân đối, điều chỉnh trong tổng số biên chế hiện có. Mặt khác, nguồn biên chế công chức dự phòng hiện nay của tỉnh còn rất ít để bổ sung cho huyện mới thành lập Ia H'Drai và thực hiện nhiệm vụ cấp bách, đột xuất phát sinh. Do đó, tạm thời chưa bố trí công chức chuyên trách làm công tác bình đẳng giới ở cấp tỉnh và huyện⁷; có 100% tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và VSTBPN ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất 01 lần/năm.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ nữ có trình độ cao, cán bộ lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (đề nghị Sở Nội vụ phối hợp với cơ quan đơn vị có liên quan đánh giá nội dung này)

- Công tác rà soát, quy hoạch đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý. Số lượng, chất lượng nguồn quy hoạch cán bộ nữ ở địa phương, đơn vị.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo nữ, quản lý theo quy hoạch ở địa phương; việc bố trí, luân chuyển cán bộ lãnh đạo nữ; đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy, Hội đồng nhân dân các cấp theo tinh thần Nghị quyết 11-NQ/TW.

- Công tác tuyển dụng, bố trí, sắp xếp sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nữ, nữ cán bộ quản lý.

- Công tác phát triển đảng viên nữ.

- Cơ chế, chính sách của địa phương đối với công tác cán bộ nữ.

5. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp (đề

⁶ Triển khai tuyên truyền vận động, cam kết trong cơ quan, ngành.

⁷ Hiện nay, cấp tỉnh được bố trí 02 biên chế (thuộc Sở Lao động-TB&XH); cấp huyện, cấp xã do công chức lao động - TB&XH kiêm nhiệm.

ng nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phối hợp đánh giá nội dung này)

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng về trong việc củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cấp Hội phụ nữ các cấp.

- Vai trò của các Hội Liên hiệp Phụ nữ trong đề xuất, tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền về chủ trương, chính sách có liên quan đến phụ nữ.

- Kết quả đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội LHPN các cấp; công tác phát triển tổ chức hội, hội viên, giới thiệu hội viên ưu tú cho Đảng; củng cố, kiện toàn tổ chức các cơ sở hội yếu kém; công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ hội các cấp.

- Việc thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát của Hội LHPN các cấp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW đã từng bước tạo được những chuyển biến tích cực về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên địa bàn tỉnh; các địa phương triển khai thực hiện đạt nhiệm vụ kế hoạch đề ra, nhất là quan tâm những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ và trẻ em.

- Nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh về bình đẳng giới đã được nâng lên rõ rệt. Đa số nữ cán bộ, công chức, viên chức và phụ nữ trong các gia đình (đặc biệt là các gia đình ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số...) đã ý thức được quyền và lợi ích hợp pháp của mình, biết đấu tranh loại bỏ những quan niệm lạc hậu, coi thường, khắt khe trong cách nhìn nhận, đánh giá, sử dụng, đề bạt đối với phụ nữ;

- Công tác cán bộ nữ đã được đưa vào Nghị quyết và chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể; công tác quy hoạch cán bộ nữ các cấp của tỉnh có bước chuyển biến cả về chất lượng, số lượng, cán bộ dân tộc, cán bộ trẻ và trình độ chuyên môn, lý luận chính trị... Việc thực hiện các bước sau quy hoạch (công khai kết quả quy hoạch, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, bầu cử...) đã triển khai tương đối đồng bộ, kịp thời và đúng theo quy định. Nhận thức của các cấp ủy có sự chuyển biến tích cực trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý, nhiều đơn vị, địa phương đã mạnh dạn quy hoạch cán bộ nữ nhất là cán bộ nữ trẻ, cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số;

- Trong các lĩnh vực kinh tế, lao động - việc làm; y tế; giáo dục; gia đình,.. phụ nữ ngày càng thể hiện rõ vị trí, vai trò của mình, tự vươn lên để khẳng định năng lực, trình độ của bản thân, tham gia ngày càng nhiều hơn vào công việc xã hội, bình đẳng trên các lĩnh vực, đóng góp ngày càng nhiều hơn cho xã hội và gia đình. Từng bước thu hẹp khoảng cách giới.

- Công tác phối, kết hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội về triển khai thực hiện công tác phụ nữ có chú ý, tạo được sự nhận thức về công tác phụ nữ. Tình hình đời sống, việc làm của phụ nữ đã được quan tâm cải thiện hơn trước, nhiều chị em có điều kiện tiếp cận với các nguồn vốn vay thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội. Công tác tham mưu của các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ có chủ động, tạo điều kiện cho việc thực hiện Nghị quyết ngày càng có hiệu quả, tỷ lệ nữ trong Cấp ủy, HĐND được nâng lên.

2. Khuyết điểm, hạn chế

- Hiệu quả thực hiện một số mục tiêu, chỉ tiêu về Bình đẳng giới trong các lĩnh vực chưa cao; công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về Bình đẳng giới chưa được thực hiện đồng bộ và còn mang tính hình thức ở một số địa phương; một số sở, ngành và địa phương chưa thật sự quan tâm đến việc lồng ghép giới, phân tích giới trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động thuộc ngành, địa phương mình quản lý.

- Đời sống của một bộ phận phụ nữ còn khó khăn, nhất là phụ nữ dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; nhận thức của xã hội và bản thân phụ nữ về bình đẳng giới còn hạn chế. Nhiều hoạt động trong Chương trình hành động của Chính phủ chưa được triển khai thực hiện như: Chính sách hỗ trợ nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới 36 tháng tuổi; chính sách đối với cán bộ nữ công tác ở miền núi, vùng sâu, vùng xa,.. công tác truyền thông, tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về bình đẳng giới bước đầu quan tâm thực hiện nhưng còn hạn chế.

- Nguồn kinh phí từ chương trình Quốc gia về Bình đẳng giới đã quan tâm bố trí cho tỉnh, tuy nhiên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; nguồn kinh phí của địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã) dành cho công tác bình đẳng giới còn hạn chế, một số cơ quan, đơn vị chưa bố trí kinh phí cho hoạt động này.

- Thiếu đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới, đặc biệt ở địa phương, cơ sở. Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác bình đẳng giới đa số kiêm nhiệm, kể cả cấp tỉnh chưa được thành lập Phòng Bình đẳng giới, khối lượng công việc nhiều, chưa có chính sách đãi ngộ nên thời gian, tâm huyết dành cho công tác bình đẳng giới còn hạn chế.

- Tỷ lệ hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ tuy giảm nhưng chưa thật sự bền vững. Lao động nữ được đào tạo nghề, được giải quyết việc làm chưa đạt do trình độ năng lực, tay nghề của phụ nữ chưa đáp ứng yêu cầu.

- Tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý các cơ quan dân cử vẫn còn thấp, nhất là ở xã, phường, thị trấn, chưa tương xứng với năng lực và sự phát triển của lực lượng lao động nữ trong các ngành và xã hội.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền ở một số địa phương, đơn vị

về bình đẳng giới, về vai trò, năng lực của phụ nữ còn hạn chế; thiếu quan tâm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác vận động phụ nữ, chưa có các nghiên cứu, dự báo và giải quyết kịp thời các vấn đề xã hội phát sinh liên quan tới phụ nữ; chủ trương về công tác cán bộ nữ chưa được quán triệt, thực hiện đầy đủ trong quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng, đề bạt cán bộ.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm chỉ đạo, bố trí công chức thực hiện công tác bình đẳng giới, nên việc tổ chức, triển khai thực hiện, thu thập thông tin, số liệu báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới⁸ còn gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt là thống kê số liệu có tách biệt giới chưa được quan tâm đúng mức.

- Công tác tham gia giám sát thực hiện luật pháp chính sách về Bình đẳng giới còn nhiều bất cập; công tác tham mưu, phối hợp xử lý những tình huống phát sinh đôi lúc chưa kịp thời, chưa có giải pháp hữu hiệu để góp phần cùng với Đảng, Nhà nước giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc liên quan nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng cho phụ nữ. Mạng lưới báo cáo viên, tuyên truyền viên về giới và bình đẳng giới còn mỏng.

- Cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ xã, phường, thị trấn vẫn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của công tác phụ nữ trong giai đoạn hiện nay; công tác tham mưu của các cấp Ban còn chưa kịp thời.

3.2. Nguyên nhân khách quan

- Trong các gia đình, do ảnh hưởng của chế độ phong kiến, tư tưởng “trọng nam khinh nữ” vẫn còn ăn sâu trong tiềm thức của một bộ phận nhân dân, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa ít có cơ hội tiếp cận thông tin từ đó dẫn đến khoảng cách về giới vẫn còn tồn tại trong việc tiếp cận các dịch vụ cơ bản; phụ nữ và trẻ em gái nghèo, dân tộc thiểu số ít có cơ hội học tập và chăm sóc sức khỏe; vấn đề tảo hôn, nạn phân biệt đối xử và ngược đãi phụ nữ và trẻ em gái vẫn còn xảy ra. Định kiến về giới còn tồn tại dai dẳng trong nhận thức chung của xã hội do ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo và tập tục phong kiến lạc hậu từ lâu đời, tư tưởng tự ti, an phận, ngại thay đổi môi trường công tác vẫn tồn tại trong một bộ phận phụ nữ.

- Cơ chế thị trường và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã phát sinh nhiều vấn đề xã hội có liên quan trực tiếp đến phụ nữ như tình trạng bạo lực gia đình, tệ nạn xã hội, mại dâm, việc kết hôn với người nước ngoài, vi phạm pháp luật diễn biến phức tạp; nhận thức về bình đẳng giới còn nhiều bất cập.

4. Bài học kinh nghiệm

- Để thực hiện tốt Nghị quyết số 11- NQ/TW, các cấp ủy, chính quyền, cán

⁸ Theo Kế hoạch số 1533/KH-UBND và Kế hoạch 1535/KH-UBND ngày 09/9/2011 của UBND tỉnh.

bộ, đảng viên và Nhân dân cần nâng cao nhận thức đầy đủ về quan điểm, nội dung, giải pháp của Nghị quyết.

- Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp phải thật sự phát huy vai trò, vị trí, chủ động thực hiện công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác phụ nữ thời kỳ mới.

- Quan tâm, tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực hoạt động, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ và cán bộ của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp, đặc biệt là cán bộ chủ chốt có bản lĩnh chính trị, trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức; phát huy được trí tuệ tập thể, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất.

- Không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, đa dạng hóa các loại hình phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của phụ nữ, tôn trọng và phát huy nội lực của phụ nữ.

IV. Nhiệm vụ và các giải pháp tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết trong thời gian đến

Để tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 11- NQ/TW của Bộ Chính trị đạt kết quả, trong thời gian đến, cần tập trung thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Tiếp tục tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức cho các Cấp ủy Đảng, hệ thống chính trị và nhân dân về ý nghĩa, mục đích của Nghị quyết số 11- NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình số 35-CTr/TU ngày 27-8-2007 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 11- NQ/TW về “*Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”; Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 13/9/2010 của UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện Luật Bình đẳng giới; Kế hoạch số 1535/KH-UBND ngày 09/9/2011 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01/12/2009 của Chính phủ; Công văn số 719/CV/TU, ngày 09/6/2015 của Tỉnh ủy và Công văn số 1486/UBND-VX, ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh về việc triển khai thực Thông báo số 196 - TB/TW, ngày 16/3/2015 của Ban Bí thư về Đề án “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vị sự tiến bộ phụ nữ trong tình hình mới”; Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 3-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “*tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới*” và Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”.

2. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, thực hiện các nội dung Luật bình đẳng giới, Luật phòng chống bạo hành gia đình, Luật Hôn nhân gia đình, các chính sách về phụ nữ đến cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và nhân dân. Thực hiện tốt các chính sách liên quan đến

Giới, tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ như: công tác quy hoạch và bố trí, sử dụng cán bộ nữ nhằm nâng cao tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ trong các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận - đoàn thể, từng bước giảm dần khoảng cách về giới trong lĩnh vực chính trị. Tạo điều kiện cho cán bộ nữ được tham gia đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Thúc đẩy vai trò phụ nữ tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

3. Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 11- NQ/TW của Bộ Chính trị hằng năm từ tỉnh đến cơ sở. Trên cơ sở đó, rà soát, bổ sung vào chương trình thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy phù hợp với yêu cầu thực tế.

4. Tăng cường công tác nghiên cứu các văn bản về chính sách liên quan đến bình đẳng giới, công tác phụ nữ, về quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em; góp phần cải thiện và nâng cao sức khỏe, phát huy trí tuệ, năng lực của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; đảm bảo sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ...

5. Chỉ đạo Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp phát huy vai trò tham mưu chính quyền chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11- NQ/TW của Bộ Chính trị gắn; kịp thời giải quyết những đề xuất, kiến nghị liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em trên địa bàn tỉnh.

6. Tiếp tục chỉ đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ tăng cường công tác phối hợp tuyên truyền, thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới, từng bước xóa bỏ bạo lực, thực hiện các quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực kinh tế, lao động việc làm, trong đào tạo nghề, xoá đói giảm nghèo, xây dựng gia đình hạnh phúc, ấm no. Thu hút, tập hợp ngày càng đông đảo phụ nữ phát huy tiềm năng, trí tuệ, đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

7. Quan tâm bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các nội dung trong công tác bình đẳng giới; tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị.

VI. Những kiến nghị, đề xuất

1. Đối với Trung ương

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách về công tác cán bộ nữ, có cơ chế hỗ trợ cán bộ nữ, động viên, khích lệ phụ nữ tích cực tham gia công tác xây dựng Đảng, đất nước, xóa bỏ tâm lý e ngại, tự ti, an phận, tạo mọi điều kiện cho phụ nữ phát triển, phấn đấu vươn lên,...

2. Đối với Tỉnh ủy

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo và tăng cường nguồn lực hơn nữa để thúc đẩy hoàn thành các mục tiêu chưa đạt về công tác phụ nữ.

- Quan tâm đến công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, có cơ chế chính sách hỗ trợ đặc biệt là cán bộ nữ ở cơ sở xã, phường được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 27-8-2007 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW về “*Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*” và những phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian đến của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh Kon Tum./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (B/cáo);
- Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh;
- Ban Dân Vận Tỉnh ủy;
- CVP-PVP UBND tỉnh phụ trách VX;
- Sở LĐTB&XH;
- Lưu: VT - VX2.

**TM. BAN CÁN SỰ ĐẢNG UBND TỈNH
BÍ THƯ**

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

**Kết quả thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá X)
về “công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”
giai đoạn 2007 - 2017**

(Kèm theo Công văn số 363-CV/BDVTU, ngày 10-5/2017 của Ban Dân vận Tỉnh ủy)

Stt	Nội dung	Kết quả	Yêu cầu
I	Kết quả tổ chức triển khai Nghị quyết (số liệu 10 năm)		
1	Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết		
	- Số cuộc hội nghị quán triệt riêng	cuộc	
	- Số cuộc phối hợp tổ chức quán triệt Nghị quyết trong các Hội nghị chuyên đề liên quan khác	cuộc	
2	Xây dựng, ban hành Chỉ thị/ Chương trình hành động/Kế hoạch thực hiện Nghị quyết (nêu rõ số lượng văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết được ban hành ở từng cấp dưới đây)	- Cấp huyện: - Cấp xã:	Trích yếu văn bản Chỉ thị/Chương trình/kế hoạch triển khai Nghị quyết của tỉnh/thành ủy hoặc UBND tỉnh/thành phố
3	Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ở các Sở, ngành và đơn vị cấp dưới tại địa phương (tích dấu V vào phương án trả lời ở cột Kết quả)	- Hàng năm - 2 năm/lần - 3 năm/lần - Ko kiểm tra, giám sát	Nêu rõ lý do không tổ chức kiểm tra, giám sát:
4	Tổng số cuộc kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết đã được triển khai trong giai đoạn 2007-2017cuộc	
II	Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ (số liệu 10 năm)		
I	Nâng cao nhận thức về công tác phụ nữ và bình đẳng giới		
	- Số lượt cán bộ, đảng viên được tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giớilượt người	
	- Số lượt cán bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, sở, ban ngành, đoàn thể	- Cấp huyện:	

	được tiếp cận với kiến thức, chương trình về bình đẳng giới.	- Cấp xã:	
	- Số lượt thành viên ban soạn thảo, tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được tập huấn kiến thức về giớilượt người	
2	Các chính sách về công tác phụ nữ và bình đẳng giới được bộ, ngành, đoàn thể ban hành hoặc sửa đổi		Gửi kèm văn bản và ghi rõ trích yếu văn bản ở các nội dung liên quan dưới đây
	- Số chính sách đặc thù tạo điều kiện cho phụ nữ ở địa phương được ban hành hoặc sửa đổi chính sách	
	- Số chương trình, chính sách (về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội) của địa phương có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về giới chương trình/chính sách	
2.1	Chính sách liên quan đến gia đình (tích dấu V bên cạnh phương án trả lời ở ô Kết quả)		
	Chính sách của địa phương liên quan đến xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc	Có Không	
	Chính sách của địa phương hỗ trợ thai sản, nhà trẻ, mẫu giáo	Có Không	
2.2	Chính sách liên quan đến cán bộ nữ		
	- Số cấp ủy xây dựng chiến lược quy hoạch cán bộ nữ trong chiến lược quy hoạch tổng thể về cán bộ của đơn vị mình/tổng số cấp ủy	- Cấp huyện: - Cấp xã:	
	- Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo cán bộ nữ theo từng lĩnh vực gắn với quy hoạch	Có Không	
	- Chính sách về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển đối với cán bộ nữ, đặc biệt cán bộ nữ là trí thức, công nhân, người dân tộc thiểu số, tôn giáo	Có Không	
	- Chính sách đặc thù đối với cán bộ nữ công tác vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo, là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ đi học có con nhỏ	Có Không	
2.3	Chính sách đối với phụ nữ		
	Chính sách hỗ trợ phụ nữ trong đào tạo (đại học, sau đại học), bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tiếp cận thông tin, ứng dụng tiến bộ KHKT mới	Có Không	
	Chính sách hỗ trợ tạo điều kiện xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, xóa đói giảm nghèo, tiếp cận thông tin, hưởng thụ văn hóa cho PN dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa	Có Không	

	Chính sách hỗ trợ phụ nữ cao tuổi, phụ nữ đơn thân, phụ nữ khuyết tật, có hoàn cảnh khó khăn	Có Không	
2.4	Chính sách đối với lao động nữ		
	Chính sách khuyến khích đào tạo nghề cho lao động nữ; giải quyết việc làm cho lao động nữ dôi dư do cổ phần hóa, phụ nữ nông thôn không còn đất canh tác, phụ nữ nghèo, phụ nữ khuyết tật	Có Không	
	Chính sách khuyến khích hỗ trợ phụ nữ phát triển doanh nghiệp	Có Không	
	Chính sách về nhà ở, chăm lo đời sống cho lao động nữ làm việc tại các khu công nghiệp tập trung	Có Không	
2.5	Chính sách đối với Hội LHPN các cấp		
	Quy định về cơ chế để Hội LHPN được tham gia quá trình xây dựng văn bản	Có Không	
	Chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện xây dựng củng cố tổ chức Hội LHPN Việt Nam	Có Không	
3	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về giới		
3.1	Lao động, việc làm		
	Tỷ lệ nữ tham gia lực lượng lao động	- 2007: - 2012: - 2017:	
	Tỷ lệ lao động nữ được đào tạo chuyên môn kỹ thuật/tổng số người được đào tạo chuyên môn kỹ thuật	- 2007: - 2012: - 2017:	
	Tỷ lệ nữ có việc làm/tổng số người có việc làm	- 2007: - 2012: - 2017:	
	Tỷ lệ thất nghiệp của lao động nữ/ tổng số người thất nghiệp	- 2007: - 2012: - 2017:	
	Tỷ lệ nữ giám đốc, chủ doanh nghiệp, chủ trang trại	- 2007: - 2012: - 2017:	

3.2	<i>Lãnh đạo - quản lý</i>		
	- Tỷ lệ nữ tham gia cấp uỷ Đảng các cấp		
	+ Cấp huyện	- NK 2006-2010: - NK 2011-2015: - NK 2016-2020:	
	+ Cấp xã	- NK 2006-2010: - NK 2011-2015: - NK 2016-2020:	
	- Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	- Khóa XII: - Khóa XIII: - Khóa XIV:	
	- Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp		
	+ Cấp huyện	- NK 2006-2010: - NK 2011-2015: - NK 2016-2020:	
	+ Cấp xã	- NK 2006-2010: - NK 2011-2015: - NK 2016-2020:	
	- Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong UBND các cấp		
	+ Cấp huyện	- NK 2006-2010: - NK 2011-2015: - NK 2016-2020:	
	+ Cấp xã	- NK 2006-2010: - NK 2011-2015: - NK 2016-2020:	
	- Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong cơ quan quản lý nhà nước các cấp		
	+ Cấp huyện	- 2007: - 2012: - 2017:	
	+ Cấp xã	- 2007: - 2012:	

		- 2017:	
	- Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong các tổ chức chính trị-xã hội các cấp		
	+ Cấp huyện	- 2007: - 2012: - 2017:	
	+ Cấp xã	- 2007: - 2012: - 2017:	
	- Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có từ 30% nữ trở lên có cán bộ chủ chốt là nữ/tổng số		
	+ Cấp huyện	- 2007: - 2012: - 2017:	
	+ Cấp xã	- 2007: - 2012: - 2017:	
	- Địa phương có cấp ủy viên là lãnh đạo Hội phụ nữ cùng cấp (báo cáo Có hoặc Không ở ô kết quả)		
	+ Cấp huyện	- NK 2006-2010: - NK 2011-2015: - NK 2016-2020:	
	+ Cấp xã	- NK 2006-2010: - NK 2011-2015: - NK 2016-2020:	
	- Địa phương có đại diện Hội Phụ nữ tham gia các hội đồng, ban chỉ đạo (báo cáo Có hoặc Không ở ô kết quả)		
	+ Cấp huyện	- 2007: - 2012: - 2017:	
	+ Cấp xã	- 2007: - 2012: - 2017:	

	- Tỷ lệ nữ đảng viên/tổng số đảng viên	- 2007: - 2012: - 2017:	
3.3	<i>Giáo dục và đào tạo</i>		
	Tỷ lệ nữ tham gia các khóa đào tạo tại các trường LL Chính trị, quản lý hành chính NN (trong tổng số người tham gia đào tạo) trong 5 năm gần đây		
	Tỷ lệ nữ có trình độ thạc sỹ/tổng số người có trình độ thạc sỹ	- 2007: - 2012: - 2017:	
	Tỷ lệ nữ có trình độ tiến sỹ/tổng số người có trình độ tiến sỹ	- 2007: - 2012: - 2017:	
	Tỷ lệ nữ phó giáo sư, giáo sư/tổng số giáo sư, phó giáo sư	- 2007: - 2012: - 2017:	
3.4	<i>Khoa học và công nghệ</i>		
	Số đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp Nhà nước do nữ làm chủ/tổng số đề tài	- 2007: - 2012: - 2017:	
3.5	<i>Đời sống gia đình</i>		
	Số trường hợp tảo hôn	- 2007: - 2012: - 2017:	
	Tỷ số mất cân bằng giới tính khi sinh	- 2007: - 2012: - 2017:	
	Số trường hợp là phụ nữ kết hôn với người nước ngoài	- 2007: - 2012: - 2017:	
	Số phụ nữ bị bạo lực gia đình được phát hiện	- 2007: - 2012:	

		- 2017:	
	Số phụ nữ bị bạo lực gia đình được phát hiện được hỗ trợ tư vấn tâm lý, pháp lý, chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bị bạo lực gia đình	- 2007: - 2012: - 2017:	
3.6	<i>Bảo trợ và an toàn xã hội</i>		
	Số vụ xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em gái được phát hiện	- 2007: - 2012: - 2017:	
	Số vụ buôn bán phụ nữ và trẻ em có hồ sơ quản lý	- 2007: - 2012: - 2017:	
	Số phụ nữ và trẻ em gái bị buôn bán được phát hiện	- 2007: - 2012: - 2017:	
	Số phụ nữ nghiện ma túy có hồ sơ quản lý	- 2007: - 2012: - 2017:	
	Số phụ nữ làm mại dâm có hồ sơ quản lý	- 2007: - 2012: - 2017:	
3.7	<i>Công tác bình đẳng giới</i>		
	- Số lượng cán bộ làm công tác bình đẳng giới của địa phương ở cấp tỉnh		
	Chuyên trách	- 2007: - 2012: - 2017:	
	Kiểm nhiệm	- 2007: - 2012: - 2017:	
	- Số lượng cán bộ làm công tác bình đẳng giới của địa phương ở cấp huyện		
	Chuyên trách:	- 2007: - 2012: - 2017:	

	Kiêm nhiệm	- 2007: - 2012: - 2017:	
	- Số cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở cấp xã	- 2007: - 2012: - 2017:	